

Số: 74 /2016/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định giá dịch vụ sử dụng Phà Tân Bình,
huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định giá dịch vụ sử dụng Phà Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Quyết định này áp dụng đối với người và các phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi qua Phà Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đối tượng không thu dịch vụ sử dụng phà.

a) Xe cứu thương; cứu hỏa; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh; đoàn xe đưa tang; đoàn xe có hộ tống, dẫn đường; xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hoá đến những nơi bị thảm họa hoặc vùng có dịch bệnh.

b) Thương, bệnh binh; học sinh; trẻ em dưới 10 tuổi. Khi qua phà, các trường hợp này phải xuất trình các giấy tờ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực) cần thiết như: thẻ thương binh, bệnh binh hoặc giấy chứng nhận đối với thương binh, bệnh binh; thẻ học sinh hoặc giấy chứng nhận của nhà trường đối với học sinh; giấy khai sinh đối với trẻ em.

Điều 2. Quy định về mua vé thàng

1. Đối tượng mua vé tháng: xe gắn máy, xe mô tô 02 bánh, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự; xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi, xe ô tô tải có tải trọng dưới 10 tấn.

2. Thời gian áp dụng: vé tháng được phát hành trong tháng, kể từ ngày 01 đến ngày kết thúc tháng theo thời hạn ghi trên vé, không phân biệt thời gian ban ngày hay ban đêm.

Điều 3. Giá dịch vụ sử dụng phà

Số TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Giá đã bao gồm thuế VAT	Ghi chú
A	Ban ngày (từ 05 giờ đến 19 giờ)			
I	Vé lượt			
1	Hành khách đi bộ	đồng/người	1.000	
2	Xe đạp, xe đạp điện	đồng/lượt	2.000	Tính chung cho người, xe và hành lý, hàng hóa trên xe
3	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự	đồng/lượt	3.000	Hành khách đi theo xe (kể từ người thứ 02) và hành lý, hàng hóa theo xe mô tô phải mua vé hành khách đi bộ và hành lý, hàng hóa
4	Xe thô sơ	đồng/lượt	4.000	
5	Hàng hóa, hành lý theo xe mô tô			
a	Từ 50 kg đến 100 kg hoặc công kênh chiếm diện tích từ 01 m ² đến 02 m ²	đồng/lượt hàng hóa	2.000	
b	Trên 100 kg hoặc công kênh chiếm diện trên 02 m ²	đồng/lượt hàng hóa	3.000	
6	Xe ô tô dưới 07 chỗ ngồi, xe lam và các loại xe tương tự	đồng/lượt	15.000	
7	Xe ô tô từ 07 chỗ ngồi đến dưới 16 chỗ ngồi	đồng/lượt	20.000	Tính chung cho người, xe và hành lý, hàng hóa trên xe
8	Xe ô tô từ 16 chỗ ngồi đến dưới 30 chỗ ngồi	đồng/lượt	25.000	
9	Xe chở hàng có tải trọng dưới 03 tấn	đồng/lượt	15.000	

10	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 03 tấn đến dưới 05 tấn	đồng/lượt	25.000	
11	Xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/lượt	30.000	
II	Vé bao phà			
	Xe chở nhiên liệu, chất nổ, hóa chất; xe chở súc vật, hàng hóa khác	đồng/chuyến	120.000	
III	Vé tháng			
1	Hành khách đi bộ	đồng/tháng	20.000	
2	Xe đạp, xe đạp điện	đồng/tháng	40.000	Tính chung cho người, xe và hành lý, hàng hóa trên xe
3	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy, xe điện 02 bánh và các loại xe tương tự	Bằng 30 lần mức thu vé lượt đối với từng đối tượng tương ứng		
4	Xe ô tô dưới 16 chỗ	Bằng 40 lần mức thu vé lượt đối với từng đối tượng tương ứng		
5	Xe tải có tải trọng dưới 10 tấn			
B	Ban đêm (từ sau 19 giờ ngày hôm trước đến trước 05 giờ ngày hôm sau)	Bằng 02 lần mức thu vé lượt đối với từng đối tượng tương ứng		

Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Việc thu tiền dịch vụ sử dụng Phà Tân Bình, huyện Thanh Bình phải có biên lai, hoá đơn thu theo quy định; đơn vị thu phải thực hiện niêm yết công khai giá dịch vụ sử dụng phà tại nơi thu tiền.

2. Đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng Phà Tân Bình, huyện Thanh Bình phải mở sổ sách, kế toán theo dõi, phản ánh việc thu, nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu, thực hiện nộp thuế theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định về thu phí qua Phà Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử Tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Châu Hồng Phúc